

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Nghề đào tạo: Công nghệ ô tô Mã nghề: 5510216
2. Trình độ đào tạo: Trung cấp Lớp CNOT-K5A,B
3. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên

4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong lĩnh vực công nghệ ô tô. Người học có khả năng độc lập thực hiện các công việc kỹ thuật như: lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị trên ô tô.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

4.2.1. Về kiến thức

- + Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và các tính năng, tác dụng của các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Nhận biết được các sự cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị ô tô và hướng giải quyết các sự cố đó;
- + Hiểu được cách đọc các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;
- + Vận dụng được các nguyên tắc lắp ráp, sửa chữa thiết bị vào hoạt động thực tế của nghề.

4.2.2. Về kỹ năng

- + Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô;
- + Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu, các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật;
- + Phán đoán đúng và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống cơ bản trong ô tô thông thường;

- + Thực hiện công việc bảo dưỡng các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;
- + Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và tin học văn phòng;
- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
- + Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- + Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.

5. Khoá học: 05

6. Thời gian khoá học: 2 năm (từ 8/2025 đến 8/2027)

7. Thời gian học tập: 86 tuần, trong đó thời gian ôn, kiểm tra hết môn học/mô-đun, thời gian ôn, thi tốt nghiệp: 312 giờ.

8. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 18 tuần

9. Địa điểm thực hiện: Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công Thương

10. Quyết định phê duyệt chương trình: *Quyết định số: 341/QĐ-KTKTCT ngày 19 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương*

II. LỊCH HỌC TOÀN KHÓA

Năm học	Tuần																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I				K	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	C	C	H	H	T	T	T	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	CM	CM	CM	CM	CM	H	H	H	H	H	H	CM	CM	CM	CM	CM	T
II	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM	CM
	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	CM	CM	H	H	T	T	T	D	D	D	D	D	D	D	D	D	D
	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
	D	D	D	D	D	H	H	H	H	H	H	D	D	D	D	D	T

K Khai giảng

C Môn chung

CM Môn học /mô-đun chuyên môn

T Ôn, thi kết thúc môn học, mô đun

H Nghỉ hè, lễ

D Thực tập tại doanh nghiệp

II. PHẦN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP

TT	Các môn học	Thời gian học tập (giờ)					Kế hoạch giảng dạy (giờ)			
		Số Tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Năm 1			
							Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
1.	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30			
2.	Pháp luật	1	15	9	5	1	15			
3.	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2		30		
4.	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3	45			
5.	Tin học	2	45	15	29	1		45		
6.	Tiếng Anh	3	90	30	56	4	90			
7.	Điện kỹ thuật	2	45	15	27	3	45			
8.	Cơ ứng dụng	2	30	25	3	2	30			
9.	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	1	30	20	8	2	30			
10.	Vẽ kỹ thuật	1	30	20	8	2	30			
11.	An toàn lao động	1	30	20	8	2			30	
12.	Thực hành nguội cơ bản	1	45	3	39	3		45		
13.	Thực hành Hàn cơ bản	1	45	3	39	3			45	
14.	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	60	30	27	3		60		
15.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	4	90	30	56	4		90		
16.	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	90	30	56	4		90		

17.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	20	51	4		75		
18.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	4	90	30	56	4			90	
19.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	30	56	4			90	
20.	Hệ thống cung cấp điện	2	45	20	22	3			45	
21.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	30	56	4			90	
22.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	3	60	30	27	3				60
23.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	3	60	30	27	3				60
24.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	4	90	30	56	4				90
25.	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	180	0				180
26.	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0				270
Chọn 2 trong 4 môn học/mô đun										
27.	Kỹ thuật lái ô tô	2	45	20	22	3				
28.	Kiểm tra và sửa chữa PAN ô tô	2	45	20	22	3			45	
29.	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	45	20	22	3				
30.	Kiến thức, kỹ năng bổ trợ	2	45	20	22	3				
	Tổng số	65	1755	445	1242	68	360	435	435	660

THI TỐT NGHIỆP

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
		Thời gian ôn thi (ngày)	Thời gian thi (Giờ)	Kế hoạch thi (từ.....đến...)			
1	Lý thuyết chuyên môn	7	Thời gian thi viết hoặc trắc nghiệm không quá 180 phút, thi vấn đáp không quá 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời cho 1 thí sinh, được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.	8/2027	Viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm	Chấm bài thi viết	
2	Thực hành	7	Từ 4 đến 8 giờ	8/2027	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Chấm thực hành	

Ngày 09/01/2025, tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Bà C. Ngọc Quyết